

Số: /CTTVCHVN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
Đã được kiểm toán bởi AASCs
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam;

Phòng TCKT công ty cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019 như sau:

I/- Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan.
- Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II/- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty tương đối ổn định;

Thuận lợi:

- Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT và công tác điều hành trực tiếp của ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đồng hành của toàn thể người lao động trong Công ty với tinh thần: đoàn kết - thống nhất, vượt qua khó khăn, tương trợ hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Khó khăn:

- Các phương tiện chủ lực của công ty hầu hết đã quá cũ, không đáp ứng và đủ điều kiện tham gia đấu thầu các công trình dịch vụ trong khi đó công tác đầu tư phương tiện mới phải tuân thủ các qui định của Luật đầu tư công nên chưa thực hiện được;

- Việc chuyển đổi chủ sở hữu khu đất tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ công ty TNHH MTV Trục vớt cứu hộ Việt Nam sang công ty cổ phần chưa thực hiện được nên chưa triển khai được kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất.

- Công tác thoái vốn tại doanh nghiệp chưa thể thực hiện vì nguyên nhân trên và nhiều nguyên nhân chủ quan khách quan khác.

- Việc thu hồi công nợ tồn đọng trước khi cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn, đã làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

- Các khó khăn trên đã làm ảnh hưởng đến công tác đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty.

Công tác thăm dò khai thác dầu khí hạn chế. Thị trường dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm ít việc làm, thị trường dầu khí cạnh tranh quyết liệt, ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Công tác cứu hộ trên biển và trục vớt hiện có nhiều đối tác cạnh tranh trong điều kiện đang tồn tại nhiều lực lượng được Trung tâm tìm kiếm cứu nạn quốc gia bố trí trên biển sẵn sàng thực hiện triển khai công tác ngay dẫn đến lĩnh vực lai dắt cứu hộ trên biển ngày càng ít việc làm.

1/ Khối Dịch vụ hàng hải và Kỹ thuật ngầm: số ngày hoạt động của các phương tiện trong năm như sau:

a) Dịch vụ hàng hải:

- Tàu Visal 2 hoạt động 17 ngày;
- Tàu DK 108 hoạt động 76 ngày;
- Tàu Visal 8 hoạt động 36 ngày;
- Salan Visal 3000 chứa hàng tại cảng Visal 109 ngày;
- Cản trục YK P3 hoạt động 61 ngày;
- Tàu CH 305 hoạt động 44 ngày;
- Tàu TK 132 hoạt động 10 ngày;
- Salan Visal 800 chứa hàng tại cảng Visal 75 ngày;
- Salan CH 800 chứa hàng tại cảng Visal 183 ngày;

b) Kỹ thuật ngầm:

Thực hiện các hạng mục công việc lặn trực vớt hàng hóa, lặn khảo sát, cạo hà vệ sinh phần dưới nước tàu, bơm hút nhiên liệu trong tàu Vietsun Interyty ... thời gian làm việc tổng cộng 50 ngày.

c) Dịch vụ khác:

Tiếp tục hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng cùng các đối tác nhằm khai thác hết tiềm năng của Công ty.

Công ty đã chỉ đạo khối Văn phòng, Chi nhánh I chủ động, năng động tìm các giải pháp như: Sắp xếp nhân sự hợp lý, khai thác các tiềm năng của công ty như mặt bằng, văn phòng chưa sử dụng hết công năng để khai thác hợp tác kinh doanh, cắt giảm các chi phí không cần thiết, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tìm kiếm đối tác mới để khai thác đội tàu có công suất nhỏ và có phương án phù hợp để khai thác các phương tiện salan Visal 3000, salan Visal 800, salan CH 800... Kết quả SXKD của Khối Văn phòng & Chi nhánh: doanh thu thực hiện 47.203 triệu, chênh lệch thu chi năm 2019: -202 triệu, đã trích dự phòng 1.217 triệu nợ phải thu khó đòi .

2/ Khối sản xuất công nghiệp:

Năm 2019, khối sản xuất công nghiệp có thuận lợi và khó khăn đan xen nhau, từ nhu cầu của thị trường các Xí nghiệp đã năng động chủ động tiếp cận cơ hội, tiếp xúc với khách hàng thực hiện:

- Xí nghiệp Sửa chữa tàu biển: tiếp tục duy trì phương châm “chất lượng - tiến độ - giá thành cạnh tranh” đơn vị đã giữ được những khách hàng truyền thống và thu hút thêm nhiều khách hàng mới trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển trong và ngoài nước. Trong năm đơn vị thực hiện sửa chữa 44 phương tiện lớn nhỏ và thực hiện 15 hạng mục dịch vụ khác. Doanh thu thực hiện 44.697 triệu, chênh lệch thu chi 4.970 triệu, là đơn vị SXKD có hiệu quả trong năm 2019, đã góp phần trích dự phòng 262 triệu nợ phải thu khó đòi .

- Xí nghiệp Cơ khí công trình: việc làm ít, người lao động phải làm việc dưới nắng suốt, làm cầm chừng, nghỉ chờ việc và nghỉ việc, trong năm 2019 đơn vị giải quyết 08 trường hợp xin thôi việc với chi phí giải quyết chế độ là 289.triệu ; Trong năm 2019 đơn vị thực hiện sửa chữa 16 ponton-salan, tiếp tục hợp tác kinh doanh với Công ty Gaz Thủ Đức và tổ chức sắp xếp lại khối sản xuất công nghiệp, doanh thu thực hiện 9.664 triệu, chênh lệch thu chi 622 triệu, đã góp phần trích dự phòng 618 triệu nợ phải thu khó đòi trước cổ phần hóa.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
I/	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019				
1	Vốn điều lệ	đồng	83.100.000.000	83.100.000.000	100

2	Doanh thu: - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác	đồng nt	105.000.000.000	101.507.309.831 96.520.675.963 2.763.019.707 2.223.614.161	96,67
3	Chi phí: - Giá vốn hàng bán - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý DN - Chi phí khác	đồng nt nt nt nt	102.091.500.000	96.118.272.957 75.577.539.612 0 20.540.733.345 0	94,15
4	Tổng lợi nhuận KT trước thuế Trong đó: _ Lợi nhuận thuần từ HĐKD _ Lợi nhuận khác	đồng	2.908.500.000	5.389.036.874 3.165.422.713 2.223.614.161	185,29
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đồng		1.131.821.802	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	2.326.800.000	4.257.215.072	182,96
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	3,5	6,49	
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	2,8	5,12	
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	280	512	
II/	Tạm trích lập các quỹ theo điều lệ & lợi nhuận chia cổ tức năm 2019				
1	Trích lập các quỹ theo điều lệ Trong đó: -QuỹĐầutưpháttriển(5%/LNST) -Quỹ khác thuộcVCSH (5%) -Khen thưởng, phúc lợi 10%	đồng		851.443.014 212.860.753 212.860.753 425.721.508	
2	Lợi nhuận chia cổ tức	đồng		3.405.772.058	
3	Cổ tức	%		4,09	
4	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	đồng		409	
III/	Tổng quỹ lương 2019	đồng	31.560.000.000	24.796.891.603	78,57
	Lao động bình quân	ng	263	207	
	Lương bình quân NLD		10.000.000	9.982.646	

Năm 2019 mặc dù đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng Ban điều hành công ty với nhiều năm kinh nghiệm đã lãnh đạo người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn chủ sở hữu, đời sống người lao động ổn định. (hệ số $H = 1,0089 > 1$: công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn).

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam giao: Hội đồng quản trị - Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam đã thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy chỉ tiêu Doanh thu chưa đạt mục tiêu đề ra (Thực hiện 101.507.309.831 / kế hoạch 105.000.000.000 chỉ đạt 96,67%) nhưng tại các chỉ tiêu quan trọng khác như lợi nhuận trước thuế công ty đã thực hiện 5.389.036.874 / 2.908.500.000 vượt mức kế hoạch 185,29 % (Đạt tỷ suất LNTT/VĐL là 6,49 / Kế hoạch 3,5%). Ngoài ra trong năm tài chính 2019 công ty tiếp tục tháo gỡ thêm những khó khăn để lại từ trước cổ phần hóa đó là: Đã thực hiện trích dự phòng được 2.096.342.063 đ (Trong đó nợ trước CPH là 617.943.171 đ) Trên tổng số nợ phải thu khó đòi và tổn thất khác là 10.933.170.167 (Trong đó trước CPH là 9.273.991.275) nâng tổng nợ lũy kế đã trích dự phòng được là 5.011.089.163 / 10.933.170.167 nợ phải thu khó đòi và tổn thất khác đạt 45,83%) làm vững mạnh tình hình tài chính của công ty cổ phần, bảo toàn được vốn và nâng dần tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông, đời sống, thu nhập của người lao động được bảo đảm ổn định. Đồng thời Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật cũng như các chế độ đối với người lao động. Trong quá trình triển khai hoạt động SXKD luôn nêu cao trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường làm việc cũng như môi trường xã hội.

III/. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019.

1/- Các chỉ tiêu cơ bản trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 như sau:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	90,808,890,987	84,526,179,069
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	16.643.872.946	25.878.881.553
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	35.000.000.000	25.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	15.668.576.337	22.587.812.995
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	23.012.986.011	10.984.619.272
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	483.455.693	74.865.249
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	21.026.764.149	22.019.062.539
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	14.440.251.276	15.097.040.482
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	494.104.177	129.460.119
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	6.092.408.696	6.792.561.938
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)		111.835.655.136	106.545.241.608
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	23.810.403.424	19.124.433.778
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	23.810.403.424	19.004.999.621
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT		119.434.157
IV. Vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	88.025.251.712	87.420.807.830
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	83.100.000.000	83.100.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	345.273.188	146.674.595

3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420-BCĐKT	322.763.452	202.161.377
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419-BCĐKT	4.257.215.072	3.971.971.858
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)		111.835.655.136	106.545.241.608

2/. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1/ Tỉ suất lợi nhuận			
+ Vốn chủ sở hữu b/q năm 2019		83.814.165.979	
1.1 Tỉ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,08	
1.2 Tỉ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	3,81	
2/ Cơ cấu tài sản			
2.1 Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	18,80	
2.2 Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	81,20	
3/ Cơ cấu vốn			
3.1 Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	21,29	
3.2 Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	%	78,71	
4/ Khả năng thanh toán			
4.1 Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	3,81	
4.2 Tổng tài sản / Nợ phải trả	Lần	4,70	

IV/. Báo cáo tình hình đầu tư & sửa chữa lớn TSCĐ năm 2019:

1/- Hạng mục Đầu tư:	1.986.222.090	
1/- Bộ tời neo bốn điểm	545.454.545	- Chi nhánh 1
2/- Xe nâng hiệu HYSTER (7 tấn)	285.000.000	- XNSCTB
3/- Xe ô tô phục vụ công việc	1.040.154.545	- XNSCTB
4/- 02 Container trạm lặn	115.613.000	- Chi nhánh 1
2/- Hạng mục Sửa chữa lớn:	2.614.962.704	
1/- Sửa chữa ĐK trên đốc tàu CH305	469.996.519	- Chi nhánh 1
2/- Sửa chữa ĐK trên đốc Sà lan CH800	251.551.573	- Chi nhánh 1
3/- Sửa chữa GK Sà lan Visal 3000T	554.664.341	- Chi nhánh 1
4/- Sửa chữa GK trên đà Sà lan Visal 800T	38.028.182	- Chi nhánh 1
5/- Sửa chữa GK trên đốc tàu DK108	375.235.314	- Chi nhánh 1
6/- Sửa chữa ĐK trên đốc tàu TK132	288.053.594	- Chi nhánh 1
7/- Sửa chữa GK trên đốc tàu Visal 8	220.668.431	- Chi nhánh 1
8/- Sửa chữa lớn bổ sung các phương tiện	416.764.750	- Chi nhánh 1

V/. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty năm 2019 :

Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát công ty năm 2019 đúng mức thù lao đã được phê chuẩn tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 cụ thể như sau :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: $5.000.000 \times 12T = 60.000.000$ đồng
- Thành viên Hội đồng quản trị: $3.000.000 \times 12T \times 5TV = 180.000.000$ đồng
- Thư ký HĐQT kiêm người QT Cty: $2.000.000 \times 12T = 24.000.000$ đồng
- Trưởng ban kiểm soát: $3.000.000 \times 12T = 36.000.000$ đồng
- Thành viên Ban kiểm soát: $1.500.000 \times 12T \times 2TV = 36.000.000$ đồng

Tổng cộng: 336.000.000 đồng

VI/. Báo cáo tình hình nợ phải thu :

- Nợ phải thu tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần (05/03/2015):
 - + Tổng số: 17.209.849.170 đồng
 - + Trong đó nợ quá hạn: 5.515.778.334 đồng
- Năm 2016 Đã xử lý thu hồi nợ quá hạn khó đòi được : 1.983.088.063 đồng
 - Trong đó :
 - _ Công ty TNHH XDDVTM Thảo Li: 1.283.088.063 đồng
 - _ Cục Quản lý đường bộ IV: 700.000.000 đồng
- Năm 2018 Đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi được : 2.914.747.100 đồng
- Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2019:
 - + Tổng số: 15.668.576.337 đồng
 - + Trong đó nợ quá hạn: 5.191.869.163 đồng (Trong đó phát sinh từ trước cổ phần hóa: 3.532.690.271.)
- Năm 2019 Đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi được : 2.096.342.063 đồng
- Lũy kế đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi được : 5.011.089.163 đồng

VII/. Tình hình nợ khó đòi tại thời điểm 31/12/2019 (Theo báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019) :

1/ Tại Chi nhánh 1:

1.1/ Nợ phải thu của công ty CP DV Hàng Hải : 124.440.000 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng cho thuê tàu Đại Lãnh phục vụ ứng cứu tràn dầu Uniraya Glory chìm tại vùng nước Vịnh Văn Phong – tỉnh Khánh Hòa tháng 3/2002. Giá trị quyết toán là: 674.440.000 đồng. Số còn nợ: 124.440.000 đồng

1.2/ Nợ phải thu của ông Lê Văn Thụ: 50.000.000 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Phát sinh từ nợ tạm ứng cho công trình Biển Đông

2/ Tại XN Cơ khí công trình:

2.1/ Nợ phải thu của DNTN Vạn Đức Nguyên : 566.943.171 đồng(Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng sửa chữa sà lan số 131/KTKH-10 ngày 01/06/2010 công ty đã khởi kiện ra Tòa án ND Tỉnh Long An và đã có bản án số: 12/2011/KDTM-ST ngày 7/11/2011

2.2/ Nợ phải thu của ông Lê Quốc Việt : 51.000.000 đồng (Phát sinh trước CPH đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng Đóng mới Ponton năm 1998. (khách nợ mất khả năng chi trả.)

3/ Tại XN Sửa chữa tàu biển:

3.1/ Nợ phải thu của công ty TNHH TMDVKT Đức Tuấn : 544.040.471 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng đóng mới phao hiệu và cột báo hiệu năm 2011. Hiện công ty này đã không còn tồn tại tại địa phương.

3.2/ Nợ phải thu của công ty CP Dầu Khí Vũng Tàu : 37.077.134 đồng (Đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng Sửa chữa giữa kỳ tàu chở dầu Minh Phú 01 số: 306/KTKH-2010 ngày 07/09/2010. Bản Quyết toán ngày 12/01/2011. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 24/01/2011.

+Giá trị Quyết toán, thanh lý hợp đồng: 350.828.821. Tính đến nay còn nợ 37.077.134 đồng

3.3/ Nợ phải thu của công ty TNHH TM DV Duy Long : 94.510.738 đồng (Đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng Sửa chữa trên dock tàu Vũ Long 06 số: 261A /SCTB/KTKH-2014 ngày 06/08/2014. Bản Quyết toán ngày 30/08/2014. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 12/09/2014.

+Giá trị Quyết toán, thanh lý hợp đồng: 564.510.738 đồng. Tính đến nay còn nợ 94.510.738 đồng

3.4/ Nợ phải thu của công ty TNHH Vận tải Phương Thành : 48.775.968 đồng (Đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng Sửa chữa trên dock tàu Phương Thành 10 số: 384-2016 /SCTB-KTKH ngày 21/11/2016. Bản Quyết toán ngày 20/02/2017. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 20/02/2017.

+Giá trị Quyết toán, thanh lý hợp đồng: 4.873.073.948 đồng. Tính đến nay còn nợ 48.775.968 đồng.

3.5/ Nợ phải thu của công ty CP Đóng mới & Sửa chữa tàu DK Nhơn Trạch : 81.215.052 đồng (Đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng Sửa chữa trên dock tàu Sài Gòn Gas năm 2016 số: 181-2016 /VTSPK-TCT/MDV ngày 02/06/2016. Bản Quyết toán ngày 30/08/2016. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/09/2016.

+Giá trị Quyết toán, thanh lý hợp đồng: 4.218.399.533 đồng. Tính đến nay còn nợ 81.215.052 đồng.

4/ Tại Văn phòng công ty:

4.1/ Nợ phải thu của công ty TNHH giao nhận Phong Nghi: 1.862.806.080 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng tìm kiếm và lặn khảo sát sà lan Goodline2 trôi dạt trên biển ngày 27/12/2007. Giá trị quyết toán là: 163,680 USD, số tiền còn phải thanh toán là 115,680 USD (tương đương 1.862.806.080 đồng).

Ngày 14/09/2015 bản án sơ thẩm buộc Công ty Phong Nghi phải thanh toán số tiền 3.775.250.838 đ (nợ gốc: 1.862.806.080, lãi: 1.912.444.758).

Ngày 06/11/2017 Tòa án đã ra Quyết định số 47/2017/QĐ-PT Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án và tuyên bản án sơ thẩm số 942/2015/KDTM-ST ngày 14/9/2015 có hiệu lực .

Ngày 21/9/2018 Cục Thi hành án dân sự TP.HCM có quyết định số 190/QĐ-CTHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Phong Nghi

4.2/ Nợ phải thu của công ty CP TM VT Minh Phong : 101.160.000 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng cứu hộ tàu Minh An tháng 11/2007 với giá trị quyết toán là: 3.593.200.000. Căn cứ quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại tòa án Quận Bình Thạnh ngày 18/6/2009, công ty Minh Phong phải thực hiện thanh toán theo lộ trình trả nợ dứt điểm. Tuy nhiên Số nợ còn lại **101.160.000**. Hiện nay công ty Minh Phong không tiếp tục thanh toán.

4.3/ Nợ phải thu của Khu quản lý đường bộ 7 (nay là Cục Quản lý đường bộ IV): 196.692.622 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Phát sinh từ công trình trục vớt sà lan đâm vào trụ chống va và thanh thải trụ chống va của cầu Hồng Ngự, thực hiện theo công điện khẩn số 101/CĐ-BGTVT ngày 15/11/2008 của Bộ Giao thông Vận tải và sự chỉ đạo trực tiếp của Cục Hàng hải Việt Nam .Tại QĐ số 2202/QĐ-TCĐBVN ngày 24/11/2010 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt hồ sơ hoàn công và dự toán công trình với chi phí thực hiện là 2.606.692.622 đồng . Số còn nợ: **196.692.622 đồng**, theo Cục QLDB IV phải chờ hết hạn thi hành án Cục QLDB IV mới có cơ sở trình ngân sách nhà nước giải quyết.

4.4/ Nợ phải thu của ông Trần Hồng Quảng: 35.607.927 đồng (Phát sinh trước CPH, đã trích dự phòng)

Phát sinh từ nợ tạm ứng cho công trình Biển Đông

4.5/ Nợ phải thu của công ty CP Vận Tải Biển Hải An: 330.000.000 đồng (Đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng dịch vụ số 529/HĐ-2016 ngày 13/08/2016 V/v Lặn khảo sát, tìm kiếm người mất tích tàu Thành Đạt 01-BLC. Bản quyết toán và thanh lý hợp đồng 01-BLC số 819/TLHĐ-2016 ngày 13/12/2016 giá trị QT là 330.000.000 đồng.

Ngày 13/11/2018 Tòa án ND Quận Hải An –TP Hải Phòng Đã ra QĐ số 10/2018/QĐST-DS Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Công ty Hải An phải thanh toán số tiền: 362.725.000 đồng (nợ phát sinh từ HĐ 529/HĐ-2016 là 330.000.000 đ và tiền lãi chậm thanh toán 32.725.000 đ. Tuy nhiên Cty Hải An vẫn chưa thanh toán nợ.

Ngày 10/01/2019 Chi Cục Thi hành án Quận Hải An có Quyết định số 252/QĐ-CCTHADS cho thi hành án đối với công ty công ty Cổ phần Vận tải biển Hải An. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có điều kiện thi hành án.

4.6/ Nợ phải thu của công ty TNHH TMDV Du Lịch Hoàng Phúc : 423.000.000 đồng (Đã trích dự phòng)

Từ hợp đồng trực vớt tàu Hoàng Phúc 18 bị chìm tại khu vực cửa sông Soài Rạp theo hợp đồng số 685A/HĐ-TVCHVN ngày 02/11/2015. Bản quyết toán và thanh lý hợp đồng số 791/KTKH, giá trị quyết toán hợp đồng là 3.223.000.000 đồng, số tiền còn nợ là: 423.000.000 đồng. Công ty đang xem xét củng cố hồ sơ khởi kiện.

4.7/ Nợ phải thu của công ty CP ĐT XNK Bông Sen Vàng : 602.600.000 đồng (Đã trích dự phòng 421.820.000 đồng)

Từ hợp đồng dịch vụ số: 368/KTKH-VISAL/BSV-17 ngày 07/07 /2017. Biên bản Quyết toán và thanh lý hợp đồng dịch vụ số: 477/KTKH-VISAL/BSV-17 ngày 28/08/2017 Giá trị Quyết toán là 1.276.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 602.600.000 đồng.

Công ty Cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam đang xem xét củng cố hồ sơ khởi kiện.

4.8/ Nợ phải thu của công ty TNHH VT Phương Thành : 42.000.000 đồng (Đã trích dự phòng).

Từ hợp đồng số: 685A/HĐKTKH-16/VISAL-PHUONGTHANH ngày 14/10/2016 & hợp đồng số: 688A/HĐKTKH-16/VISAL-PHUONGTHANH ngày 17/10/2016. Biên bản quyết toán & thanh lý hợp đồng ngày 25/10/2016. Giá trị Quyết toán 242.000.000 đồng. Tính đến nay còn nợ 42.000.000 đồng.

VIII/. Khoản tổn thất tìm tằm từ công trình cứu hộ tàu Green Viship thuộc Công ty CP Vận tải biển Viship: 5.741.301.004 đồng (phát sinh trước cổ phần hóa)

Công ty TNHH MTV Trục vớt cứu hộ Việt Nam (Visal) thực hiện cứu hộ tàu Green Viship theo yêu cầu của công ty CP Vận tải biển Vinashine nay là Công ty CP Vận tải biển Viship ngày 19/8/2008 v/v cứu hộ khẩn cấp tàu Green Viship bị nạn tại vùng biển Vũng tàu, ngày 21/9/2008 tàu Green Viship được làm nổi, ngày 1/10/2008 Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có công văn 1266/KTKH gửi Viship yêu cầu thanh toán chi phí trục vớt hàng hóa

và tàu Green Viship là: 9.727.145.581 đồng. Viship yêu cầu cung cấp hồ sơ chi tiết và công việc đã thực hiện kèm theo các chi phí thực tế và không thanh toán tiếp cho Visal.

Ngày 11/6/2009, Visal khởi kiện Viship tại Tòa án ND TP.Vũng Tàu .

Ngày 18/3/2013 Tòa án ND TP.VT trung cầu kiểm toán chi phí cứu hộ tàu Green Viship

ngày 28/05/2015 Tòa án TP. Vũng Tàu đã xét xử sơ thẩm buộc Công ty Viship phải thanh toán số tiền 8.598.584.200 đ (trong đó nợ gốc: 6.430.334.200 đồng và tiền lãi: 2.168.250.000 đồng). Ngày 04/03/2016 Chi cục thi hành án thành phố Vũng tàu ra quyết định số 35/QĐ-CCTHA ủy thác thi hành án cho Chi cục thi hành án quận Đống Đa thành phố Hà Nội tiếp tục thi hành án đối với Công ty CP Vận tải biển Viship. Ngày 27/03/2019 Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa thành phố Hà Nội có quyết định số 33/QĐ-CTHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Vận tải biển Viship.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty
- Đại HDCĐ Cty
- Lưu TCKT Cty

**TM PHÒNG TCKT
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Trang